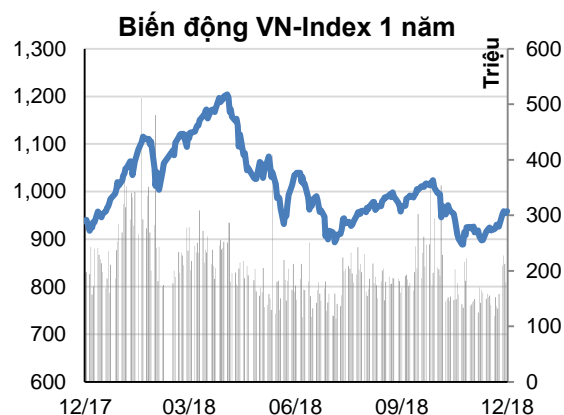


Biến động thị trường

	07/12	1T (%)	3T (%)
VN Index	959	4.0%	-1.1%
GTGD	4,339	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	-51	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Trái phiếu và Hàng hóa

	07/12	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.120%	4.338%	4.388%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.395%	4.600%	4.608%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.155%	5.205%	5.250%
Dầu WTI (\$/thùng)	51.23	61.67	67.75
Vàng (\$/oz)	1,240	1,227	1,196

Nguồn: Bloomberg

Phạm Tấn Phát

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1468
phat.pt@kisvn.vn
www.kisvn.vn

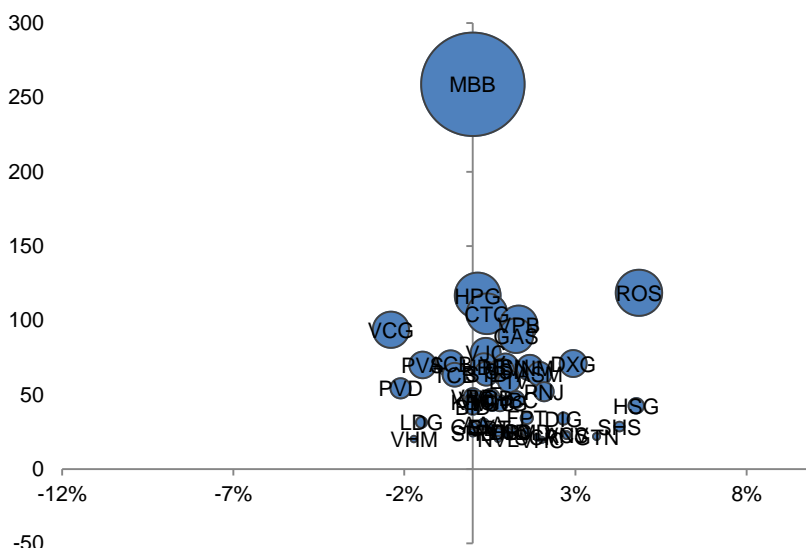
Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464
hie.u.ttm@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Lực cầu trên nhóm vốn hóa lớn

- Thị trường chứng khoán quay lại xu hướng tăng nhờ lực cầu trên nhóm vốn hóa lớn trong phiên hôm nay. VN-Index tăng 0.39% lên mức 959 điểm với thanh khoản được cải thiện khi có 148 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 3,026 tỷ đồng giá trị.
- Độ rộng thị trường tỏ ra tích cực khi số lượng mã tăng áp đảo, 180 mã tăng và 107 mã giảm. VN30-Index, VNMid-Index và VNSmall-Index đi lên lần lượt 0.73%, 0.49% và 0.45%.
- Ngân hàng và thực phẩm thiết yếu dẫn dắt xu hướng chung nhờ VNM (+1.7%), MSN (+1.0%), VCB (+0.5%), CTG (+0.4%) và VPB (+1.3%). Trong khi đó, FPT, GAS, GMD, HSG, KDC, PNJ và ROS tăng trưởng trên 1%.
- Chiều ngược lại, một số cổ phiếu bluechip như BMP, CII, VHM, DPM, PVD và PVS chìm trong sắc đỏ trước áp lực chốt lời.
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị 51 tỷ đồng trên HSX. Nhóm này bán mạnh HPG, PVD và VIC tương ứng 30 tỷ đồng, 23 tỷ đồng và 17 tỷ đồng. Ở phía mua, E1VFN30, DXG và VRE được mua vào nhiều nhất.
- **Nhận định thị trường:** Tâm lý thị trường trở nên tích cực với dòng tiền đi vào nhóm vốn hóa lớn. Tuy xu hướng tăng ngắn hạn được duy trì nhưng xu hướng điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế trên khung thời gian lớn. Vì thế, nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ danh mục cổ phiếu hiện tại và tập trung vào nhóm cổ phiếu dẫn dắt. Nếu xuất hiện tín hiệu tiêu cực, nhà đầu tư có thể cân nhắc chốt lời.

Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 940-945

Kháng cự 1: 960-964

Hỗ trợ 2: 880-890

Kháng cự 2: 1,020-1,030

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày - VN-Index



VN-Index có phiên tăng điểm nhưng với mẫu hình nến Shooting Star cho thấy áp lực bán xuất hiện về cuối phiên. Khối lượng khớp lệnh vẫn duy trì trên trung bình 10 phiên gần nhất với 151 triệu đơn vị.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), sau 2 phiên tích lũy bên dưới vùng kháng cự 960-966 điểm, chỉ số tiếp tục tăng điểm hôm nay. Tuy vậy, mẫu hình nến Shooting Star hình thành tại cận trên của đường kênh giá tăng ngắn hạn cho thấy áp lực bán tiếp tục xuất hiện tại vùng giá 960-966 điểm. Chỉ báo RSI đang suy yếu và đang tạo phân kỳ âm. Nếu chỉ số tiếp tục suy yếu trong phiên tới, chỉ báo RSI sẽ cho tín hiệu của nhịp điều chỉnh. Vì vậy, chúng tôi thận trọng về khả năng đi xa hơn của chỉ số nếu giá tiếp tục suy yếu từ vùng cản 960-966 điểm.

Ở góc độ trung hạn (3 tháng), VN-Index đang đi ngang kể từ giữa tháng 05/2018 cho tới nay. Nhịp hồi phục hiện tại vẫn đang ở dưới vùng cản trung hạn quanh 960-966 điểm. Chúng tôi tiếp tục bảo lưu quan điểm thận trọng cho tới khi tín hiệu bứt phá thành công hình thành lên trên khỏi đường xu hướng tăng trung hạn.

Hành động

VN-Index tiếp tục gặp lực cản từ vùng cản kỹ thuật 960-966 điểm trong khi chỉ báo xung lực cũng đang cho tín hiệu suy yếu. Nhà đầu tư có thể cân nhắc chốt lời một phần danh mục nếu chỉ số tiếp tục thoái lui từ vùng 960-966 điểm và phá vỡ luôn ngưỡng 950 điểm.

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
VN-Index	959	3.77	0.4%	SL CP tăng giá	180
KLGD ('000 cổ phiếu)	190,455	11,311	6.3%	SL CP giảm giá	107
GTGD (tỷ VND)	4,339	470	12.1%	SL CP không đổi	87

Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VNM	133,900	2,200	1.20
GAS	96,300	1,200	0.72
VCB	57,200	300	0.34
ROS	37,800	1,750	0.31
MSN	84,600	800	0.29

Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VHM	80,000	-1,400	-1.463
TCB	28,000	-150	-0.164
EIB	13,900	-400	-0.154
DPM	21,000	-800	-0.098
SJD	23,000	350	-0.089

Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
MBB	22,500	11.40	258.8
ROS	37,800	3.26	118.5
HPG	34,650	3.36	116.7
CTG	24,050	4.31	104.4
VPB	22,700	4.27	97.3

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
TD không thiết yếu	1.8%	0.25
CNTT	1.7%	0.16
TD thiết yếu	1.0%	1.86
Dịch vụ tiện ích	1.0%	0.69
Công nghiệp	0.9%	0.54

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Bất động sản	-0.4%	-0.98
Nguyên vật liệu	-0.1%	-0.08

SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
HNX-Index	107	0.04	0.0%	SL CP tăng giá	111
KLGD ('000 cổ phiếu)	36,382	1,366	3.9%	SL CP giảm giá	67
GTGD (tỷ VND)	503	16	3.3%	SL CP không đổi	192

Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VCS	75,200	2,000	0.07
DGC	48,800	1,300	0.06
SHS	14,600	600	0.06
DBC	27,200	600	0.03
PHP	11,800	900	0.03

Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
ACB	30,600	-200	-0.25
HHC	72,200	-8,000	-0.07
PVS	20,200	-300	-0.07
VCG	20,400	-500	-0.03
PVX	1,000	-100	-0.02

Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
VCG	20,400	4.46	93.7
ACB	30,600	2.29	70.7
PVS	20,200	3.44	70.1
VGC	17,700	2.51	44.5
SHS	14,600	1.97	28.5

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
TD không thiết yếu	10.5%	0.03
Bất động sản	9.0%	0.04
Nguyên vật liệu	7.0%	0.13
Công nghiệp	6.2%	0.07
TD thiết yếu	6.0%	0.04

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Tài chính	-0.1%	-0.19

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
E1VFN30	15,300	57.2	6.9	50.3
DXG	26,300	21.4	2.3	19.1
VRE	33,000	16.6	5.1	11.5
VNM	133,900	85.0	76.2	8.9
GAS	96,300	26.2	20.3	5.9

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
HPG	34,650	11.9	42.6	-30.7
PVD	16,200	1.4	25.0	-23.5
VIC	102,200	1.4	18.8	-17.4
VJC	132,400	0.1	16.9	-16.9
SSI	29,650	4.2	13.3	-9.2

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

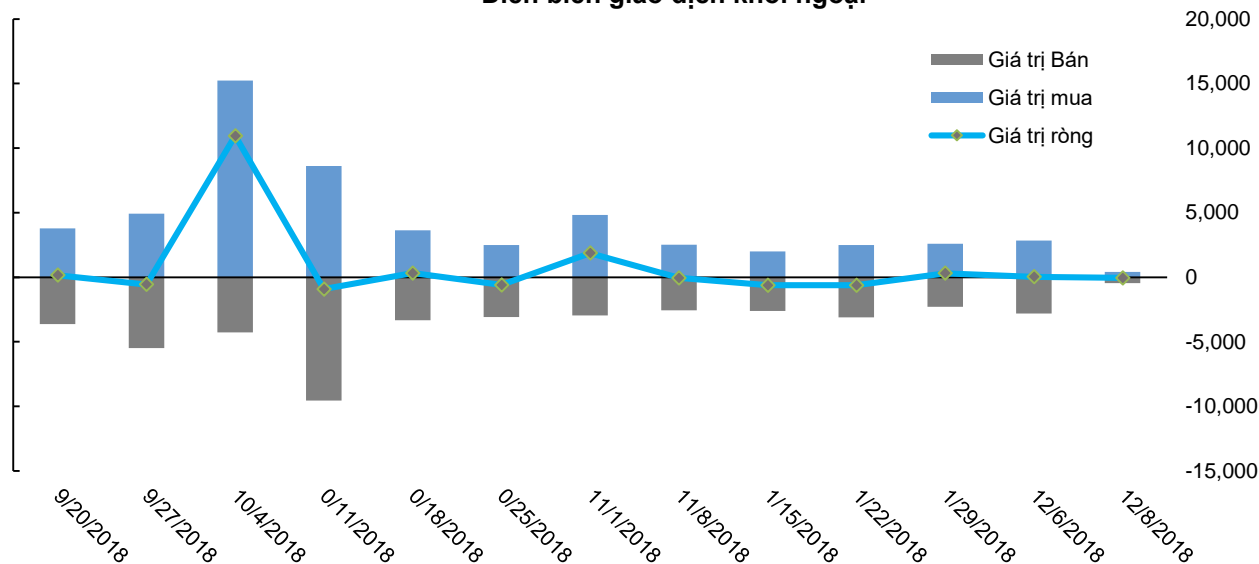
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
TNG	18,300	7.7	0.0	7.7
NDN	12,500	1.9	0.0	1.9
DBC	27,200	1.4	0.3	1.2
TIG	2,700	1.1	0.0	1.1
DTD	12,200	0.8	0.0	0.8

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	20,200	0.2	5.1	-4.9
VC3	23,500	0.0	2.3	-2.3
VGC	17,700	0.0	1.5	-1.5
SHS	14,600	0.0	1.2	-1.2
CEO	13,900	7.3	8.4	-1.1

(VNDbn)

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Thị trường phái sinh

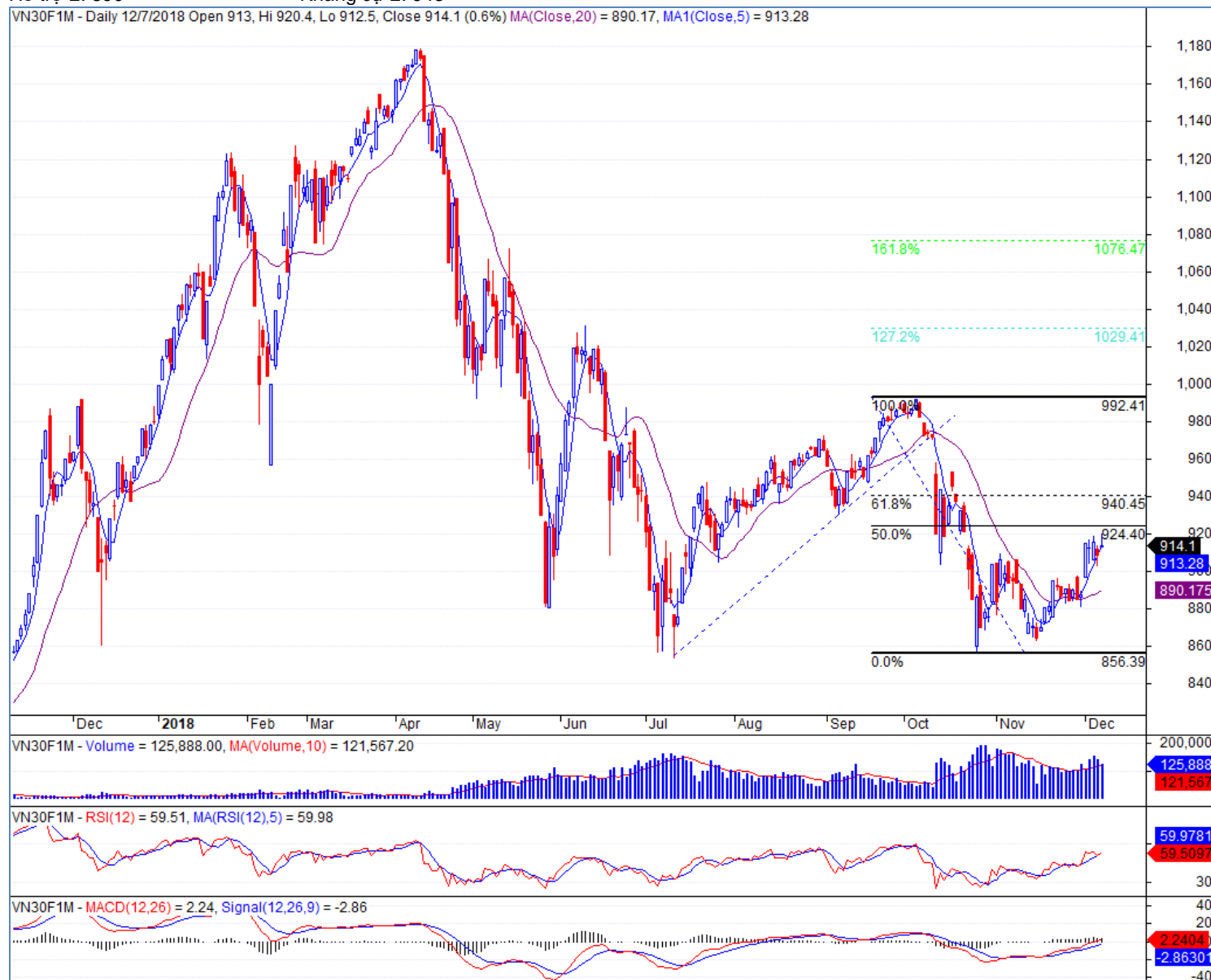
Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 913

Kháng cự 1: 930

Hỗ trợ 2: 890

Kháng cự 2: 943



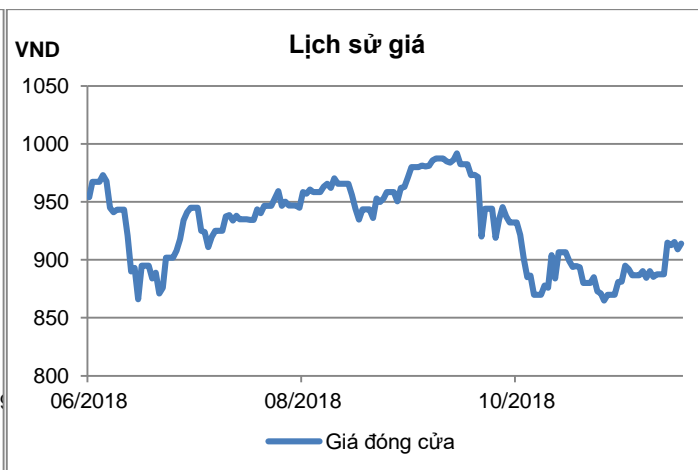
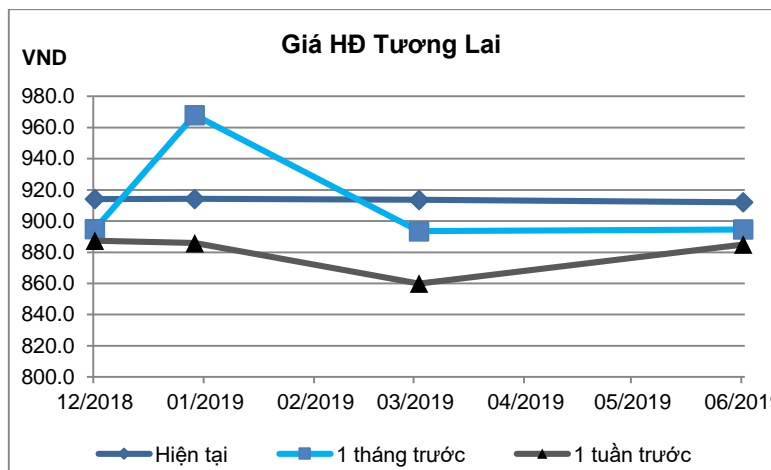
Nhận định xu hướng: VN30F1M (hợp đồng tháng 12) tạo cây nến Gravestone Doji ở đồ thi EOD. Đây là mẫu hình nến đảo chiều giảm mạnh. Chỉ báo RSI duy ở trên đường MA (5) nhưng đang tạo phân kỳ âm. Nếu chỉ số đóng cửa dưới đường MA (5) hay ngưỡng 913 điểm thì đây là tín hiệu đảo chiều cần lưu ý.

Chiến lược đầu tư: Tín hiệu suy yếu cuối phiên cùng với chỉ báo xung lực RSI đang suy yếu đang cho tín hiệu cảnh báo điều chỉnh. Nhà đầu tư nên ưu tiên vị thế Short ở nhịp hồi phục.

- Short VN30F1812 với điểm vào 915-917 điểm. Mục tiêu 905 điểm. Dừng lỗ 923 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mờ	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	930	6.7	0.7%	55,213,240			
VN30F1812	914	5.1	0.6%	125,888	18,044	20/12/2018	13
VN30F1901	914	6.2	0.7%	592	454	17/01/2019	41
VN30F1903	914	5.5	0.6%	48	158	21/03/2019	104
VN30F1906	912	2.2	0.2%	101	128	20/06/2019	195



DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.2	1.9	172	77%	95,900	51,200
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.8%	26,200	6,411	78.9	1.3	648	54%	39,500	22,600
CTD	CTCP Xây dựng Cotecccons	Công nghiệp	1.2%	158,500	12,394	7.8	1.5	111	44%	233,100	120,400
CTG	NH TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.5%	24,050	89,548	11.7	1.3	4,278	30%	38,250	19,950
DHG	CTCP Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.5%	84,500	11,048	20.9	3.8	155	49%	118,000	81,000
DPM	TCT CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.6%	21,000	8,218	14.1	1.0	560	21%	26,600	16,100
FPT	CTCP FPT	CNTT	3.6%	45,100	27,671	8.5	2.3	684	49%	56,957	38,500
GAS	TCT Khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	1.6%	96,300	184,313	14.9	4.3	507	3%	136,400	70,000
GMD	CTCP Gemadept	Công nghiệp	1.3%	29,150	8,655	4.6	1.5	1,227	49%	39,473	23,000
HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	7.6%	34,650	73,593	8.0	1.9	5,234	39%	48,429	27,143
HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.3%	7,670	2,952	7.2	0.6	5,021	16%	26,136	6,300
KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.5%	25,400	5,224	N/A	0.9	150	22%	45,800	24,250
MBB	NH TMCP Quân đội	Tài chính	4.6%	22,500	48,610	9.5	1.5	5,892	20%	31,471	18,782
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.6%	84,600	98,402	15.6	5.1	824	40%	118,000	67,300

MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.3%	88,600	38,133	13.7	4.7	650	49%	101,553	73,502
NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	68,500	62,161	28.9	3.6	481	8%	78,800	46,565
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.2%	61,100	70,803	18.6	3.6	693	11%	95,500	51,800
PNJ	CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.3%	98,000	15,890	18.1	4.7	450	49%	138,733	75,000
REE	CTCP Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.0%	33,350	10,340	6.6	1.2	508	49%	44,750	29,150
ROS	CTCP Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	0.9%	37,800	21,455	29.2	3.7	1,646	2%	151,417	35,000
SAB	TCT CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	4.1%	247,300	158,589	35.8	9.5	35	10%	333,000	193,800
SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	1.0%	20,050	9,933	23.1	1.6	2,959	11%	24,600	13,300
SSI	CTCP Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.5%	29,650	14,800	10.2	1.6	2,772	58%	44,400	24,850
STB	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.7%	12,650	22,816	17.0	1.0	8,024	13%	17,300	9,670
VCB	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	3.5%	57,200	205,792	17.0	3.3	1,441	21%	76,500	41,600
VIC	Tập đoàn Vingroup	Bất động sản	10.8%	102,200	326,184	74.8	5.9	856	9%	113,058	57,025
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	Công nghiệp	6.2%	132,400	71,709	14.0	6.8	658	24%	191,167	104,583
VNM	CTCP Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	10.6%	133,900	233,176	26.8	9.2	908	59%	179,167	111,500
VPB	NH Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	7.2%	22,700	55,768	8.0	1.9	4,038	23%	43,259	18,850
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.9%	33,000	76,851	51.1	2.9	1,851	32%	50,204	27,918

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
10/12/2018	ONE	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)
10/12/2018	BFC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (2,000đ/cp)
10/12/2018	HSL	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (600đ/cp)
10/12/2018	VTJ	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
10/12/2018	LIX	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (3,000đ/cp)
10/12/2018	FOC	Upcom	Giao dịch 14,085,336 cổ phiếu đăng ký giao dịch
10/12/2018	CIA	HNX	Giao dịch 1,500,000 cổ phiếu niêm yết bổ sung
10/12/2018	INN	HNX	Giao dịch 6,480,000 cổ phiếu niêm yết bổ sung
10/12/2018	PDN	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (1,000đ/cp)
10/12/2018	KHP	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (300đ/cp)
11/12/2018	PPC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (1,500đ/cp)
11/12/2018	D2D	HSX	Chi tạm ứng cổ tức năm 2018 (1,500đ/cp)
11/12/2018	VAF	HSX	Chi trả tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2018 (500đ/cp)
11/12/2018	MDG	HSX	Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (500đ/cp)
11/12/2018	MH3	Upcom	Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
11/12/2018	MSH	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (4,000đ/cp)
11/12/2018	HKP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
11/12/2018	CAV	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (1,500đ/cp)
12/12/2018	TID	Upcom	Giao dịch 200,000,000 cổ phiếu đăng ký giao dịch
12/12/2018	NTC	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
13/12/2018	ICN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,500đ/cp)
13/12/2018	PAC	HSX	Trả cổ tức đợt 2 năm 2018 (700đ/cp)
13/12/2018	HVT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3,500đ/cp)
13/12/2018	UIC	HSX	Tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2018 (1,400đ/cp)
13/12/2018	DRC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (300đ/cp)
13/12/2018	KBE	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000đ/cp)
13/12/2018	VEC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)
13/12/2018	HC3	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000đ/cp)
13/12/2018	PHR	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (1,500đ/cp)
13/12/2018	GDT	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 (1,500đ/cp)
13/12/2018	DBM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,200đ/cp)
13/12/2018	BRR	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (250đ/cp)
14/12/2018	XHC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2,000đ/cp)
14/12/2018	NVL	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

14/12/2018	DGC	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/12/2018	QBR	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/12/2018	ISH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)
14/12/2018	NFC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)

Liên hệ

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR
Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM
Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (+84 24) 3974 4448
Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định chế
(+84 28) 3914 8585 (x1444)
uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.